TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2020
"V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Mầm

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 870/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/3/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đậu Thị Xuân T – Sinh năm: 1989 (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Mai Văn Th – Sinh năm: 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại đơn xin xét xử vắng mặt - Nguyên đơn chị Đậu Thị Xuân T trình bày:

Chị T và anh Mai Văn Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22 tháng 8 năm 2011. Vợ chồng có 02 con chung là Mai Quốc A, sinh ngày 10/10/2011 và Mai Quang D, sinh ngày 10/02/2016.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Th cờ bạc, không quan tâm gia đình nên vợ chồng thường

xảy ra cãi vã, anh Th không tôn trọng còn có những lời lẽ xúc phạm chị T và gia đình bên ngoại. Vợ chồng anh, chị đã tự sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay và cũng chưa có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn. Nay chị T xác định vợ chồng anh, chị không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn Th.

Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Mai Quốc A và Mai Quang D đến tuổi trưởng thành. Nhưng nếu anh Th cũng có nguyện vọng nuôi cháu Mai Quốc A thì chị T cũng đồng ý giao cháu Mai Quốc A cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên còn cháu Mai Quang D do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Hiện nay, chị T buôn bán thu nhập 01 tháng khoảng 8 đến 10 triệu đồng

2. Quá trình tham gia tố tụng- bị đơn anh Mai Văn Th trình bày:

Anh Th và chị T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22 tháng 8 năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị có 02 con chung là Mai Quốc A, sinh ngày 10/10/2011 và Mai Quang D, sinh ngày 10/02/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh, chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th có bài bạc nên dẫn đến cãi vã, anh Th thừa nhận có xúc phạm vợ vài lần nhưng không có hành động bạo hành vợ. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vào đầu năm 2018 vợ chồng anh, chị đã ly thân cho đến nay. Tuy nhiên, anh Th vẫn còn tình cảm với vợ và mong muốn đoàn tụ gia đình, chăm lo cho con cái nên anh Th không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Trường hợp chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Mai Quốc A, sinh ngày 10/10/2011 cho đến tuổi trưởng thành còn cháu Mai Quang D, sinh ngày 10/02/2016 do chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Hiện nay anh Th làm nghề tự do thu nhập 01 tháng từ 6.000.000 đồng - 8.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn chị Đậu Thị Xuân T là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành

phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đậu Thị Xuân T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn anh Mai Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh Th là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Đậu Thị Xuân T và anh Mai Văn Th chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22 tháng 8 năm 2011. Xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân giữa chị T và anh Th phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2017, nguyên nhân do anh Th không có trách nhiệm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, anh Th không tôn trọng chị T và gia đình chị T, do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Từ khi sống ly thân cho đến nay thì vợ chồng anh, chị chưa có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh Th nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Th; Về phía anh Th mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cho con cái nhưng anh Th cũng chưa có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy; Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đậu Thị Xuân T và anh Mai Văn Th đã kéo dài và ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Th của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh Th có 02 con chung là cháu Mai Quốc A, sinh ngày 10/10/2011 và Mai Quang D, sinh ngày 10/02/2016. Hội đồng xét xử xét thấy, cả chị T và anh Th đều có nguyện vọng và điều kiện, thu nhập để đảm bảo việc nuôi con nên giao cháu Mai Quốc A cho anh Mai Văn Th và giao cháu Mai Quang D cho chị Đậu Thị Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai, là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Đậu Thị Xuân T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đậu Thị Xuân T và anh Mai Văn Th.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung cháu Mai Quốc A, sinh ngày 10/10/2011 cho Anh Mai Văn Th và giao con chung cháu Mai Quang D, sinh ngày 10/02/2016 cho chị Đậu Thị Xuân T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

2.2. Chị Đậu Thị Xuân T và anh Mai Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đậu Thị Xuân T và anh Mai Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

4. Về công nợ: Không có công nợ chung.

5. Về án phí: Chị Đậu Thị Xuân T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0005186 ngày 05 tháng 11 năm 2019.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B, tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã H, thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lương Thị Trúc